

Số: 1991/QĐ-ĐHHHVN-KHCN

Hải Phòng, ngày 11 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Giao đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên**  
**năm học 2019-2020**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-ĐHHHVN ngày 25/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy định “Hoạt động khoa học công nghệ tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-ĐHHHVN-KHCN ngày 11/06/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Thể lệ xét tặng Giải thưởng “Nghiên cứu khoa học sinh viên” Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ năm học 2019-2020 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khoa học - Công nghệ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2019-2020 cho các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài (*danh sách đề tài kèm theo Quyết định này*).

**Điều 2.** Các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn sinh viên có trách nhiệm triển khai nghiên cứu, báo cáo kết quả đề tài trước tháng 5/2020, theo đúng quy định tại Thể lệ xét tặng Giải thưởng “Nghiên cứu khoa học sinh viên” Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: TC-HC, KH-CN, KH-TC, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn có tên trong danh sách theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KH-CN.



PGS.TS. *Phạm Xuân Dương*

**DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM HỌC 2019-2020**  
(Kèm theo Quyết định số: 1991 /QĐ-ĐHHHVN-KHCN, ngày 11 tháng 11 năm 2019)

TT	Tên đề tài	Thành viên chịu trách nhiệm chính	Thành viên tham gia	Lớp	Giảng viên Hướng dẫn	Mục tiêu nghiên cứu
<b>I.</b>	<b>KHOA HÀNG HẢI</b>					
1.	Xây dựng chương trình lập bầu trời sao	<b>Đoàn Văn Trường</b>		ĐKT57ĐH	<b>ThS. Đào Quang Dân</b>	Nghiên cứu, xây dựng được chương trình lập bầu trời sao, giúp nhận dạng sao, phục vụ cho người đi biển.
2.	Ứng dụng từ điển tiếng anh hàng hải cho thuyền viên Việt Nam	<b>Nguyễn Duy Hoàng</b>	Nguyễn Văn Ánh Phạm Minh Tuấn Đào Đình Vinh	ĐKT57ĐH ĐKT57ĐH ĐKT57ĐH ĐKT57ĐH	<b>ThS. Ngô Như Tại</b>	Nhóm tập trung nghiên cứu, phát triển một ứng dụng (có thể sử dụng trên máy tính hoặc điện thoại hoặc cả 2), giúp cho sinh viên Khoa Hàng hải, thuyền viên có thể dễ dàng hiểu và sử dụng Tiếng Anh chuyên Ngành Hàng hải.
3.	Nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam về thủ tục hành chính liên quan đến tàu biển	<b>Phan Văn Dương</b>	Nguyễn Thị Huế	LHH59ĐH LHH59ĐH	<b>ThS. Bùi Hưng Nguyên</b>	Đề tài đưa ra một số kiến nghị hướng tới việc cải tiến thủ tục hành chính đối với tàu biển theo hướng hiệu quả, đơn giản hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vận tải biển và các chủ thể khác trong quá trình khai thác, quản lý và sở hữu tàu biển.
4.	Nghiên cứu pháp luật hình sự Việt Nam về xử lý trách nhiệm hình sự với người chưa thành niên phạm tội	<b>Tô Minh Anh</b>	Nguyễn Thị Minh Châu	LHH59ĐH LHH59ĐH	<b>ThS. Lương Thị Kim Dung</b>	Đề tài sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và chính sách, pháp luật xử lý người chưa thành niên phạm tội, tìm ra nguyên nhân gia tăng của tội phạm là người chưa thành niên, chỉ ra những tồn tại cần khắc phục làm cơ sở để đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

5.	Nghiên cứu pháp luật về các biện pháp bảo đảm tài sản trong hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại Việt Nam	<b>Nguyễn Ngọc Hà</b>	Lê Trần Hải Vy Nguyễn Thu Hương Nguyễn Khắc Tuệ	LHH58ĐH LHH57ĐH LHH58ĐH LHH59ĐH	<b>ThS. Lương Thị Kim Dung</b>	Đề tài nghiên cứu sẽ góp phần làm giàu thêm những vấn đề lý luận về các biện pháp bảo đảm tài sản trong hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại, đóng góp những đề xuất, kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật và giúp hệ thống ngân hàng thương mại giảm nợ xấu, kinh doanh nghiệp vụ cho vay hiệu quả.
6.	Nghiên cứu các quy định pháp lý về kiểm soát nồng độ Sulphur trong khí thải tàu biển	<b>Nguyễn Văn Ánh</b>	Phạm Minh Tuấn Đào Đình Vinh	LHH57ĐH LHH57ĐH LHH57ĐH	<b>TS. Phan Văn Hưng</b>	Đề tài là tài liệu tham khảo cho sinh viên, các nhà quản lý Hàng hải, các công ty vận tải biển và thuyền viên. Các giải pháp đề xuất sẽ là cơ sở để các nhà quản lý, các công ty vận tải xây dựng chính sách để đáp ứng yêu cầu của IMO 2020.
7.	Nghiên cứu vai trò của thuyền viên đối với an ninh tàu biển	<b>Nguyễn Dương Hưng</b>	Nguyễn Thái Hoàng Bùi Quang Huy	ĐKT58CH ĐKT58CH ĐKT58CH	<b>TS. Phan Văn Hưng</b>	Nội dung nghiên cứu nhằm phân tích vai trò của thuyền viên trong các quy trình đảm bảo an ninh trên tàu biển đang được triển khai. Qua đó, đưa ra được giải pháp hữu ích để tăng cường an ninh tàu biển, đặc biệt chú trọng đến vai trò của thuyền viên.
8.	Nghiên cứu các quy định pháp lý về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và độc hại bằng đường biển	<b>Vũ Thị Thúy Hằng</b>	Nguyễn Thị Minh Phượng	LHH58ĐH LHH58ĐH	<b>TS. Phan Văn Hưng</b>	So sánh, đánh giá thực trạng triển khai ở Việt Nam, để từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao an toàn trong vận chuyển hàng nguy hiểm và độc hại bằng đường biển.

<b>II. KHOA MÁY TÀU BIỂN</b>						
9.	Xử lý nước lẫn dầu tàu thủy bằng phương pháp tận dụng nhiệt của máy đốt dầu cặn	<b>Nguyễn Văn Trọng</b>	Đàm Như Hoàng Vũ Đình Nam	MTT57ĐH MTT57ĐH MTT57ĐH	<b>ThS. Nguyễn Ngọc Hoàng</b>	Nghiên cứu các thiết bị xử lý tách dầu ra khỏi nước trong nước lẫn dầu tàu thủy; Tận dụng nhiệt của máy đốt dầu cặn để đốt các phân tử dầu trong nước lẫn dầu; Chọn thuật toán phù hợp cho tính toán sản lượng xử lý nước lẫn dầu theo tải của máy đốt rác, qua đó thiết kế thiết bị máy đốt rác phù hợp cho quá trình đốt nước lẫn dầu hoàn toàn.
<b>III. VIỆN CƠ KHÍ</b>						
10.	Nghiên cứu, chế tạo robot nhện 6 chân	<b>Trần Bảo Anh</b>	Đặng Đình Cường Đình Thế Dũng Lê Quốc Lâm	CĐT57ĐH CĐT57ĐH CĐT57ĐH	<b>TS. Hoàng Mạnh Cường</b>	Nghiên cứu thiết kế hình dáng robot nhện 6 chân; Chế tạo, lắp ráp robot và lập trình điều khiển tay robot di chuyển trên mặt phẳng ngang; Tiến hành thử nghiệm Robot nhện 6 chân di chuyển trên mặt phẳng ngang và đánh giá kết quả đạt được.
11.	Nghiên cứu và chế tạo mô hình ô tô tự lái	<b>Trần Đức Lương</b>	Nguyễn Văn Phong Phạm Hồng Minh	KTO57ĐH KTO58ĐH	<b>ThS. Trần Xuân Thế</b>	Nghiên cứu phát triển các thuật toán nhận diện làn đường, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ đường và các vật thể khác. Ứng dụng các kỹ thuật nhận diện hình ảnh của trí tuệ nhân tạo, kết hợp với các thuật toán điều khiển và IOT chế tạo mô hình xe ô tô tự lái có thể tự vận hành và xác định các đối tượng xung quanh.

<b>IV. KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ</b>						
12.	Nghiên cứu thiết kế đèn tín hiệu giao thông không dây	<b>Đặng Quang Huy</b>	Nguyễn Thái Dương Nguyễn Hoàng Duy Phùng Thị Phương Thảo Trần Hữu Thành	ĐTĐ58ĐH ĐTĐ58ĐH ĐTĐ58ĐH ĐTĐ58ĐH ĐTĐ58ĐH	<b>TS. Đặng Hồng Hải</b>	Nghiên cứu tổng quan về đèn tín hiệu giao thông, thuật toán điều khiển đèn tín hiệu giao thông; Nghiên cứu về truyền tín hiệu không dây, qua đó thiết kế mô hình đèn tín hiệu giao thông không dây.
13.	Nghiên cứu thiết kế “hệ thống đẩy không cánh (chân vịt không cánh)” sử dụng cho tàu thủy cỡ nhỏ	<b>Lê Văn Đại</b>	Trần Đình Thắng Nguyễn Văn Thảo	ĐTT58ĐH ĐTT58ĐH ĐTT58ĐH	<b>ThS. Đặng Đình Phúc</b>	Nghiên cứu tổng quan về các hệ thống đẩy trên tàu thủy hiện nay để thấy được ưu, nhược điểm của các hệ thống; Nghiên cứu đưa ra hệ thống đẩy không cánh, qua đó thiết kế mô hình hệ thống đẩy không cánh cho tàu thủy cỡ nhỏ.
14.	Nghiên cứu chế tạo xuồng cứu sinh tự động ứng dụng GPS để tiếp cận mục tiêu	<b>Nguyễn Khánh Dur</b>	Nguyễn Trường Thành Nguyễn Huy Hoàng Tạ Quang Vũ	TĐH57ĐH TĐH57ĐH ĐTT57ĐH TĐH58ĐH	<b>KS. Phạm Minh Thảo</b>	Đề tài tập trung vào việc ứng dụng GPS để định vị và dẫn đường cho đối tượng là xuồng cứu sinh tự động. Qua đó, nghiên cứu chế tạo xuồng cứu sinh tự động ứng dụng GPS để tiếp cận mục tiêu thông qua ứng dụng GPS để định vị và dẫn đường cho đối tượng là xuồng cứu sinh tự động.
15.	Nghiên cứu và chế tạo thiết bị cảnh báo ngủ gật cho lái xe ô tô	<b>Bùi Hồng Phúc</b>	Đoàn Nhật Quang Đoàn Ngọc Âu Nguyễn Công Danh	ĐTV57ĐH ĐTV57ĐH ĐTV58ĐH ĐTV58ĐH	<b>ThS. Nguyễn Phương Lâm</b>	Nghiên cứu về thị giác máy tính, ngôn ngữ lập trình Python, thư viện xử lý hình ảnh Open CV, thư viện Dlib từ đó kết hợp với Rasperry Pi để xây dựng thiết bị ứng dụng vào nhận diện và cảnh báo tài xế ngủ gật.

V.	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					
16.	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động Đoàn - Hội sinh viên của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	<b>Nguyễn Minh Hải</b>	Đỗ Đức Huấn	KPM58ĐH KPM58ĐH	<b>ThS. Bùi Đình Vũ</b>	Nghiên cứu công tác quản lý các hoạt động của Đoàn - Hội sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; Từ đó, phân tích, thiết kế hệ thống, cài đặt cơ sở dữ liệu cho hệ thống và xây dựng chương trình quản lý.
17.	Xây dựng ứng dụng hỗ trợ học và kiểm tra trình độ Tiếng Anh trên thiết bị di động	<b>Nguyễn Văn Toàn</b>		KPM57ĐH	<b>ThS. Bùi Đình Vũ</b>	Nghiên cứu công nghệ xây dựng ứng dụng trên thiết bị di động; Tìm hiểu hệ thống hỗ trợ học và kiểm tra trình độ Tiếng Anh đã có: Tra cứu từ điển, hỗ trợ ngữ pháp, nghe bài, đọc bài, kiểm tra trình độ Tiếng Anh. Từ đó, xây dựng ứng dụng hỗ trợ học và kiểm tra trình độ Tiếng Anh trên thiết bị di động.
18.	Tìm hiểu .NET và Xamarin, xây dựng app quản lý sinh viên trên điện thoại di động	<b>Ninh Văn Chương</b>	Phạm Thu Thảo	CNT58ĐH KPM59ĐH	<b>ThS. Nguyễn Kim Anh</b>	Nghiên cứu tìm hiểu về .NET và Xamarin, từ đó cài đặt ứng dụng Quiz Test về một số môn học chuyên ngành trên điện thoại di động, cho phép sinh viên khoa Công nghệ thông tin có thể kiểm tra nhanh các kiến thức của mình và cải thiện kết quả thi học phần cuối kì.

19.	Tìm hiểu PHP, Yii và Xampp, xây dựng Website học tập	<b>Nguyễn Huy Hùng</b>	Phạm Trung Thành Nguyễn Duy Tùng	CNT58ĐH CNT58ĐH CNT58ĐH	<b>TS. Hồ Thị Hương Thom</b>	Nghiên cứu tìm hiểu về PHP và Framework Yii, một trong những công nghệ được sử dụng để xây dựng và phát triển website. Dựa trên kết quả nghiên cứu, sinh viên sẽ phân tích, thiết kế và cài đặt một Website học tập làm nơi trao đổi, chia sẻ và lưu trữ tài liệu học tập cho một số môn học chuyên ngành của khoa, hỗ trợ sinh viên của khoa trong quá trình học tập và tìm kiếm tài liệu.
20.	Xây dựng Webapp hỗ trợ tìm kiếm các trung tâm tiếng Anh qua Google Map trên khu vực Hải Phòng	<b>Phạm Trung Thành</b>	Nguyễn Huy Hùng Nguyễn Duy Tùng	CNT58ĐH CNT58ĐH CNT58ĐH	<b>ThS. Nguyễn Kim Anh</b>	Đề tài tìm hiểu về API của Google Map. Dựa trên kết quả nghiên cứu nhóm sinh viên xây dựng và phát triển phát triển Webapp hỗ trợ việc tìm kiếm các trung tâm tiếng Anh trên khu vực Hải Phòng qua Google Map.
21.	Xây dựng ứng dụng nền web hỗ trợ học tập ngoại ngữ cho sinh viên VMU	<b>Đoàn Văn Nguyên</b>	Nguyễn Bảo Ngọc	CNT57ĐH CNT57ĐH	<b>ThS. Phạm Ngọc Duy</b>	Đề xuất giải pháp, phân tích, thiết kế ứng dụng nền web và CSDL, lập trình ứng dụng và xây dựng bộ dữ liệu ban đầu về các bài học/ bài tập, triển khai cài đặt hệ thống.
22.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý thực hành khoa Công nghệ thông tin	<b>Nguyễn Dương Nguyên</b>	Phạm Công Thành	KPM57ĐH KPM57ĐH	<b>ThS. Phạm Ngọc Duy</b>	Nghiên cứu, tìm hiểu về C# và một số công nghệ hỗ trợ để xây dựng hệ thống quản lý thực hành Khoa Công nghệ thông tin.

23.	Xây dựng chương trình quản lý Giáo trình và tài liệu giảng dạy khoa CNTT	<b>Bùi Thị Chang</b>	Trần Thị Thảo	CNT57ĐH CNT57ĐH	<b>ThS. Nguyễn Văn Thủy</b>	Nghiên cứu Xây dựng phần mềm quản lý Giáo trình và tài liệu giảng dạy Khoa Công nghệ thông tin.
<b>VI.</b>	<b>KHOA CÔNG TRÌNH</b>					
24.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS phân tích, quản lý hệ thống giao thông đô thị và thí điểm ứng dụng tại Hải Phòng	<b>Nguyễn Thị Quỳnh</b>	Lưu Mạnh Tùng Nguyễn Trọng Đại	BĐA57ĐH BĐA57ĐH BĐA57ĐH	<b>ThS. Nguyễn Quang Huy</b>	Nghiên cứu lý thuyết về hệ thống thông tin địa lý GIS và ứng dụng công nghệ GIS trong việc phân tích và quản lý giao thông đô thị.
25.	Nghiên cứu và xây dựng chương trình tự động hóa thiết kế mặt cắt ngang đê chắn sóng mái nghiêng	<b>Lê Minh Đạt</b>	Đoàn Như Lâm Phạm Thái Sơn Dương Thị Dung	CTT56ĐH CTT56ĐH CTT56ĐH CTT56ĐH	<b>TS. Nguyễn Hoàng</b>	Giới thiệu tổng quát về đê chắn sóng, trình tự các bước thiết kế đê chắn sóng. Xây dựng chương trình tự động hóa thiết kế, tối ưu mặt cắt ngang đê mái nghiêng.
26.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện không gian hai tuyến phố đi bộ Thê Lữ - Tam Bạc - Hải Phòng	<b>Hoàng Tiến Dũng</b>	Lê Huy Hoàng Đỗ Văn Dũng Nguyễn Thị Thùy Dương	KTD59ĐH KTD59ĐH KTD59ĐH KTD59ĐH	<b>ThS. Nguyễn Văn Minh</b>	Thu thập, đánh giá hiện trạng cảnh quan tuyến phố đi bộ Thê Lữ - Tam Bạc. Đề ra giải pháp hoàn thiện không gian tuyến phố, đưa ra giải pháp tổ chức không gian để tăng tiện ích, vẻ đẹp cho tuyến phố đi bộ Thê Lữ - Tam Bạc.
27.	Nghiên cứu và xây dựng modul chương trình tự động hóa tính toán tường chắn đất có/không có bản chống	<b>Bùi Thành Đạt</b>	Phạm Thị Hồng Phương	XDD57ĐH CTT59ĐH	<b>TS. Phạm Văn Sỹ</b>	Tổng quan về tường chắn đất và các bài toán tính toán tường chắn đất có và không có bản chống. Xây dựng chương trình tự động hóa tính toán tường chắn đất bằng VBA.



28.	So sánh sự khác nhau giữa kết quả tính toán thiết kế bể chứa bằng phương pháp phần tử hữu hạn và tiêu chuẩn thiết kế hiện hành	<b>Nguyễn Thế Anh</b>	Nguyễn Xuân Quý Lê Xuân Đạo	XDD57ĐH XDD57ĐH XDD57ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thanh Tùng</b>	Tổng quan mô hình bể chứa chất lỏng, nghiên cứu mô hình tính, so sánh kết quả tính toán nội lực của cấu kiện khi áp dụng các mô hình tính khác nhau.
<b>VII.</b>	<b>KHOA KINH TẾ</b>					
29.	Một số biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động gom hàng trong giao nhận vận tải của các doanh nghiệp trên địa bàn Hải Phòng	<b>Nguyễn Minh Thúc</b>	Nguyễn Mạnh Dũng Nguyễn Thị Phương Linh	KTT58ĐH KTT58ĐH KTT58ĐH	<b>ThS. Bùi Thanh Hải</b>	Nghiên cứu, tìm hiểu quá trình gom hàng trong giao nhận vận tải tại một số công ty vận tải tại Hải Phòng. Trên cơ sở đó chỉ ra hạn chế, nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp để cải thiện quá trình gom hàng.
30.	Ứng dụng công nghệ xác định vị trí hàng tại kho CFS - Công ty cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	<b>Lâm Thị Kim Oanh</b>	Đào Trọng Nghĩa Phạm Thị Vân	KTT57ĐH KTT57ĐH KTT57ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình</b>	Nghiên cứu, tìm hiểu những bất cập trong công tác xác định vị trí hàng tại kho CFS của Công ty cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng; Đưa ra các công nghệ đang được áp dụng trong việc xác định vị trí kho hàng tại một số cảng hiện nay; Ứng dụng công nghệ phù hợp đối với kho CFS của Công ty cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng.
31.	Một số biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác đội tàu của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	<b>Phạm Thị Huyền Thanh</b>	Trần Thị Thu Trang Phạm Thị Lan Anh	KTT57ĐH KTT57ĐH KTT57ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình</b>	Tìm hiểu công tác quản lý và khai thác đội tàu của công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship; Nêu những hạn chế, nguyên nhân và đề xuất một số biện pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và khai thác đội tàu của công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship.

32.	Nghiên cứu hệ thống vận tải thủy nội địa để vận chuyển hàng hóa trên tuyến Bắc Ninh - Hải Phòng	<b>Vũ Thị Thu Huyền</b>	Đỗ Phương Thảo Đỗ Thị Bích Ngọc	KTT57ĐH KTT57ĐH KTT57ĐH	<b>TS. Nguyễn Thị Liên</b>	Nghiên cứu, tìm hiểu việc vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy nội địa trên tuyến Bắc Ninh - Hải Phòng. Trên cơ sở đó chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và đề ra một số biện pháp nâng cao hiệu quả cho tuyến đường vận chuyển Bắc Ninh - Hải Phòng.
33.	Nghiên cứu phát triển vận chuyển hàng container bằng đường thủy nội địa khu vực phía bắc giai đoạn 2025-2030	<b>Đoàn Thị Nhân</b>	Bùi Thị Thơ Nguyễn Thị Thủy	KTT57ĐH KTT57ĐH KTT57ĐH	<b>TS. Nguyễn Thị Liên</b>	Nghiên cứu việc vận chuyển hàng bằng đường thủy nội địa khu vực phía bắc hiện nay. Qua đó, đề ra giải pháp nhằm nâng cao năng lực vận chuyển của khu vực này trong giai đoạn 2025-2030.
34.	Một số biện pháp thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức tuyến Lạch Huyện - Nghi Sơn (Thanh Hóa)	<b>Trần Thị Phượng</b>	Trần Thị Châm	KTT57ĐH KTT57ĐH	<b>ThS. Bùi Thanh Hải</b>	Nghiên cứu sự kết hợp vận tải đa phương thức tuyến Lạch Huyện - Nghi Sơn (Thanh Hóa). Qua đó đề xuất một số biện pháp thúc đẩy phát triển vận tải đa phương thức tuyến.
35.	Tổ chức vận tải liên phương thức vận chuyển dăm gỗ bằng đường biển và đường thủy nội địa khu vực Quảng Ninh - cảng Cái Lân	<b>Tạ Bá Đạt</b>	Hoàng Văn Tùng Trần Tiến Đạt Nguyễn Đức Đại	KTT57ĐH KTT57ĐH KTT57ĐH KTT57ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thị Hường</b>	Nghiên cứu, tìm hiểu sự phối hợp vận chuyển hàng dăm gỗ bằng đường biển và đường thủy nội địa khu vực Quảng Ninh - cảng Cái Lân.
36.	Giải pháp tối ưu quãng đường vận chuyển từ cảng Lạch Huyện đến các ICD phía Bắc - Việt Nam	<b>Lê Thị Ngọc Ánh</b>	Tạ Phương Anh Nguyễn Lan Anh	KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH	<b>TS. Nguyễn Hữu Hùng</b>	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm tối ưu quãng đường vận chuyển từ cảng Lạch Huyện đến các ICD phía Bắc - Việt Nam.

37.	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp Vận tải biển tại Hải Phòng	<b>Lê Thị Thu Lan</b>	Phạm Thị Thu Nhân Nguyễn Thị Linh	KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH	<b>TS. Nguyễn Hữu Hùng</b>	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp Vận tải biển đăng ký kinh doanh tại Sở KHĐT Thành phố Hải Phòng.
38.	Nghiên cứu phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt kết nối các bến cảng tại Hải Phòng	<b>Nguyễn Thị Thúy Linh</b>	Bùi Thị Mỹ Linh Phạm Ngọc Diệu Linh	KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH	<b>ThS. Trương Thị Minh Hằng</b>	Nghiên cứu phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt kết nối các bến cảng tại Hải Phòng.
39.	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm tăng năng lực cạnh tranh của đội tàu vận tải container Việt Nam	<b>Cao Xuân Sơn</b>	Lương Ngọc Phương Thảo Nguyễn Quỳnh Trang Quản Ngọc Huyền	KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH	<b>ThS. Trương Thế Hinh</b>	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm tăng năng lực cạnh tranh của đội tàu vận tải container Việt Nam.
40.	Nghiên cứu xu thế vận chuyển xanh trên thế giới và đề xuất các phương hướng phát triển cho Việt Nam	<b>Đoàn Đức Long</b>	Đặng Văn Huyền Nguyễn Thị Hào	KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH	<b>TS. Phạm Việt Hùng</b>	Nghiên cứu xu thế vận chuyển xanh trên thế giới và đề xuất các phương hướng phát triển cho Việt Nam.
41.	Giải pháp hạn chế tình trạng tàu chở container rỗng ở chiều về tại công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam (Vosco)	<b>Nguyễn Thị Ngân</b>	Nguyễn Thị Thu Trang Phan Thị Thúy	KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH	<b>TS. Phạm Việt Hùng</b>	Nghiên cứu nguyên nhân tình trạng tàu chở container rỗng; Qua đó đề ra giải pháp hạn chế tình trạng tàu chở container rỗng ở chiều về tại công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam (Vosco).

42.	Nghiên cứu thực trạng rác thải trên tàu biển và đề xuất các giải pháp khoa học nhằm hạn chế và tái chế rác thải từ tàu biển	<b>Dương Thu Trang</b>	Phạm Ngọc Toàn Nguyễn Văn Thắng Hoàng Thu Trang Nguyễn Văn Thành	KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH KTB57ĐH	<b>TS. Phạm Việt Hùng</b>	Nghiên cứu thực trạng rác thải trên tàu biển và đề xuất các giải pháp khoa học nhằm hạn chế và tái chế rác thải từ tàu biển.
43.	Nghiên cứu giải pháp giảm chi phí Logistics chặng cuối	<b>Vũ Duy Phong</b>	Lê Thị Trang Nguyễn Thị Thu Trang	LQC58ĐH LQC58ĐH KTB58ĐH	<b>ThS. Hoàng Thị Minh Hằng</b>	Tìm hiểu cơ sở lý luận, thực trạng, phương pháp và kết quả về giảm chi phí Logistics chặng cuối sao cho tối ưu và đem lại hiệu quả cao nhất cho nền kinh tế.
44.	Optimize ship scheduling - Tối ưu hóa lịch trình tàu	<b>Vũ Lê Vi</b>	Vũ Quang Hòa	KTB58ĐH KTB58ĐH	<b>ThS. Hoàng Thị Minh Hằng</b>	Tối ưu hóa tỷ lệ đầy tải của tàu. Tiết kiệm thời gian, chi phí, tiêu thụ nhiên liệu, khí thải, sức người cho cả chuyến tàu.
45.	Phân tích đặc điểm nguồn vốn FDI Hàn Quốc tại Hải Phòng	<b>Phạm Ngọc Thụy</b>	Phạm Phương Thùy Nguyễn Thị Thu Trang	KTN58ĐH KTN58ĐH KTN58ĐH	<b>ThS. Đoàn Trọng Hiếu</b>	Tổng hợp cơ sở lý luận về hoạt động đầu tư và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, thu thập thông tin, số liệu về môi trường đầu tư tại Hải Phòng cũng như thực trạng hoạt động đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp Hàn Quốc trên địa bàn. Qua đó rút ra những đặc điểm quan trọng nhằm đề xuất một số kiến nghị giúp tăng cường hiệu quả sử dụng và thu hút nguồn vốn này.

46.	Nghiên cứu các giải pháp bảo vệ thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế	<b>Đào Thị Hồng Ngọc</b>	Lê Thị Minh Yến Đinh Thị Quyên	KTN57ĐH KTN57ĐH KTN57ĐH	<b>ThS. Phạm Thị Phương Mai</b>	Nghiên cứu thực trạng về Bảo vệ thương hiệu tại Việt Nam & ảnh hưởng của nó tới buôn bán quốc tế và đưa ra giải pháp bảo vệ thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế.
47.	Giải pháp nâng cao hoạt động chuẩn bị và ứng phó cho các sự cố tràn dầu từ tàu tại vùng nước ở cảng Hải Phòng	<b>Đinh Khánh Vân</b>	Ngô Khánh Linh Phạm Thị Như Mai	KTN58ĐH KTN58ĐH KTN58ĐH	<b>ThS. Lương Thị Kim Oanh</b>	Tìm hiểu về thực trạng các sự cố tràn dầu từ tàu tại các vùng nước thuộc cảng Hải Phòng và đưa ra giải pháp ứng phó.
48.	Tìm hiểu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động bồi thường hàng hóa xuất nhập khẩu chuyên chở bằng đường biển	<b>Vũ Đức Toàn</b>	Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Thu Phương	KTN58ĐH KTN58ĐH KTN58ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang</b>	Tìm hiểu thực trạng về hoạt động bồi thường hàng hóa xuất nhập khẩu hiện nay đồng thời đưa ra giải pháp giải quyết các khó khăn nảy sinh trong quá trình hoạt động.
49.	Giải pháp hoàn thiện hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics tại các công ty trên đại bàn Hải Phòng	<b>Phạm Thị Phương</b>	Trần Thị Ngọc Anh Nguyễn Thế Sơn Phạm Thị Phương	KTN58ĐH KTN58ĐH KTN58ĐH KTN58ĐH	<b>ThS. Phan Thị Bích Ngọc</b>	Tìm hiểu thực trạng về hoạt động kinh doanh của các công ty logistics trên đại bàn Hải Phòng và đưa ra giải pháp nhằm giải quyết các khó khăn và nâng cao hiệu quả.
50.	Nghiên cứu dịch vụ vận tải trong mô hình kinh tế chia sẻ tại Việt Nam hiện nay	<b>Nguyễn Hoàng Yên</b>	Nguyễn Ngọc Ba	KTN59ĐH KTN59ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thị Thu Hương</b>	Đề tài nghiên cứu tổng quan mô hình kinh tế chia sẻ, thực trạng của mô hình kinh tế này ở Việt Nam với trọng tâm là dịch vụ vận tải, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình kinh tế chia sẻ ở Việt Nam.

51.	Nghiên cứu về ứng dụng của Blockchain trong chuỗi cung ứng hàng nông sản của Việt Nam	<b>Trần Trà Mi</b>	Trần Khánh Toàn Hoàng Long Vũ	LQC57ĐH LQC57ĐH LQC57ĐH	<b>ThS. Phạm Thị Mai Phương</b>	Đề tài nghiên cứu về ứng dụng của Blockchain trong chuỗi cung ứng hàng nông sản của Việt Nam.
52.	Nghiên cứu mức độ tập trung của một số cảng container lớn nhất trên thế giới	<b>Đỗ Thị Ngọc Hà</b>	Vũ Hải Thành Đồng Thị Hào Tâm Đặng Hồng Nhung	LQC58ĐH LQC58ĐH LQC58ĐH LQC58ĐH	<b>TS. Phạm Thị Yến</b>	Nghiên cứu, đánh giá mức độ tập trung của cảng container lớn nhất trên thế giới. Qua đó đưa ra xu hướng phát triển của hệ thống cảng biển container trên thế giới.
53.	Nghiên cứu về giải pháp tăng cường tính liên kết hiệu quả giữa Logistics và thương mại điện tử ở Việt Nam	<b>Lê Thị Hằng</b>	Vũ Thị Huyền Nguyễn Đoàn Công	LQC57ĐH LQC57ĐH LQC57ĐH LQC57ĐH	<b>TS. Phạm Thị Yến</b>	Nghiên cứu tính liên kết hiệu quả giữa Logistics và thương mại điện tử ở Việt Nam. Qua đó, đề xuất tính liên kết hiệu quả giữa Logistics và thương mại điện tử ở Việt Nam.
54.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học Logistics của sinh viên	<b>Vũ Thị Xuân Quỳnh</b>	Vũ Hoàng Nam Ngô Thị Hà Vi	LQC58ĐH LQC58ĐH LQC58ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thị Nha Trang</b>	Tìm hiểu thực trạng lựa chọn ngành học Logistics của sinh viên trong những năm gần đây; Nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học Logistics của sinh viên; Làm rõ những yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngành học Logistics của sinh viên, từ đó đề xuất những thay đổi về chương trình cũng như chính sách tuyển sinh đối với ngành Logistics của nhà trường nhằm đáp ứng những mong muốn và kỳ vọng của sinh viên.

55.	Đánh giá về việc sử dụng mạng xã hội để trao đổi thông tin và phối hợp công việc trong doanh nghiệp Logistics tại Hải Phòng	<b>Nguyễn Thị Hải Linh</b>	Kiều Mỹ Linh Đặng Thị Oanh	LQC57ĐH LQC57ĐH LQC57ĐH	<b>ThS. Vũ Lê Huy</b>	Nghiên cứu đánh giá việc sử dụng mạng xã hội để giải quyết công việc trao đổi thông tin trong doanh nghiệp Logistics tại Hải Phòng.
56.	Nghiên cứu xây dựng phần mềm tra cứu các điều khoản thương mại quốc tế Incoterms 2000, 2010, 2020	<b>Lê Mạnh Hưng</b>	Trần Vũ Minh Hoàng Chu Tùng Dương	LQC57ĐH LQC57ĐH LQC57ĐH	<b>TS. Nguyễn Minh Đức</b>	Tìm hiểu về các Incoterms thông dụng và so sánh; Đưa ra phần mềm tra cứu Incoterms và ứng dụng của nó vào một trường hợp cụ thể. Qua đó xây dựng phần mềm tra cứu các điều khoản thương mại quốc tế Incoterms 2000, 2010, 2020.
57.	Nghiên cứu xây dựng phần mềm hợp tác điều phối phương tiện giữa các công ty vận tải đường bộ	<b>Nguyễn Hoàng Huy</b>	Trần Phúc Đạt Phan Thị Hải Ánh	LQC57ĐH LQC57ĐH LQC57ĐH	<b>TS. Nguyễn Minh Đức</b>	Nghiên cứu mô hình hợp tác điều phối phương tiện và cách thức ứng dụng phần mềm hợp tác điều phối phương tiện giữa các công ty vận tải đường bộ. Qua đó, xây dựng phần mềm hợp tác điều phối phương tiện.
58.	Nghiên cứu xu thế phát triển của logistics toàn cầu và đề xuất giải pháp cho công ty giao nhận vận tải Vinatrans ở Việt Nam	<b>Lê Quốc Trung</b>	Đặng Tuấn Trung Trịnh Đức Giáp Đặng Hồng Nhung	LQC58ĐH	<b>TS. Nguyễn Hữu Hùng</b>	Nghiên cứu xu thế phát triển của logistics toàn cầu. Qua đó, đề xuất giải pháp cho công ty Vinatrans để bắt kịp xu thế toàn cầu, giải pháp giúp Vinatrans bắt kịp xu thế phát triển.

59.	Xây dựng khung khái niệm về các cấp độ từ 1PL đến 6PL của nhà cung cấp dịch vụ logistics	<b>Trần Thị Hồng Nga</b>	Nguyễn Ngọc Diệp	LQC58ĐH LQC58ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thị Nha Trang</b>	Nghiên cứu tổng hợp và phân tích các tiêu chí được sử dụng để phân biệt các nhà cung cấp dịch vụ logistics từ cấp độ 1PL đến 6PL; Trên cơ sở đó, xây dựng khung khái niệm (conceptual framework) về các cấp độ từ 1PL đến 6PL của nhà cung cấp dịch vụ logistics (Logistics service provider), dựa trên các tiêu chí như quy mô doanh nghiệp, sự đa dạng của các dịch vụ logistics, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, mức độ tham gia của doanh nghiệp logistics vào hoạt động của khách hàng...
60.	Đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng phương pháp tạo nguồn điện từ nước biển cho tàu biển	<b>Nguyễn Thị Nguyệt Hà</b>		KTB60ĐH	<b>ThS. Hoàng Thị Lịch</b>	Nội dung đề tài nghiên cứu hướng tới đầu tiên là nghiên cứu, kế thừa kết quả của các dự án đi trước, từ đây, đánh giá, phân tích chúng để đưa ra một nghiên cứu cải tiến hơn với giá thành rẻ, nhỏ gọn, tiện dụng, an toàn với môi trường và phù hợp ở từng vùng biển khác nhau trên hai cơ sở chính là lợi ích về kinh tế và lợi ích về môi trường. Sau đó, đánh giá hiệu quả ứng dụng của phương pháp này ngay trên tàu biển cỡ nhỏ.



<b>VIII. KHOA QUẢN TRỊ - TÀI CHÍNH</b>						
61.	Nghiên cứu chiến lược Marketing mix cho sản phẩm giấy của Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng	<b>Đào Thanh Thảo</b>	Đỗ Anh Quân Đàm Ngọc Tiên Nguyễn Thành Đạt	QKD57ĐH QKD57ĐH QKD57ĐH QKD57ĐH	<b>ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga</b>	Nghiên cứu cơ sở lý luận về thị trường mục tiêu, chiến lược marketing - mix; Phân tích thị trường mục tiêu hiện tại của Công ty và các chiến lược marketing - mix: sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến hỗn hợp. Từ đó chỉ ra những ưu điểm và tồn tại. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả chiến lược marketing - mix cho Công ty.
62.	Nghiên cứu về tác động của nền kinh tế ban đêm đối với các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn Hải Phòng	<b>Hoàng Hà Chi</b>	Trịnh Thị Khánh Huyền	QKD57ĐH QKD57ĐH	<b>ThS. Lê Hồng Nhung</b>	Nghiên cứu Cơ sở lý luận và các nhân tố ảnh hưởng đến nền kinh tế ban đêm; Thực trạng tác động của nền kinh tế ban đêm đến các công ty du lịch tại Hải Phòng. Qua đó, Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả của nền kinh tế ban đêm đến các công ty du lịch tại Hải Phòng.
63.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc công bố thông tin trách nhiệm xã hội tới hiệu quả tài chính doanh nghiệp	<b>Nguyễn Thị Hồng</b>	Trần Thị Thanh Huyền	QKT58ĐH QKT58ĐH	<b>TS. Đào Văn Thi</b>	Nghiên cứu tổng hợp các lý luận về trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính doanh nghiệp, nội dung công bố trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, căn cứ vào các hướng dẫn có liên quan đến việc lập báo cáo trách nhiệm xã hội trong nước và quốc tế để lượng hóa chỉ tiêu trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Qua đó xác định mối quan hệ giữa việc công bố thông tin này với hiệu quả tài chính của một doanh nghiệp cụ thể.

64.	Hạn chế rủi ro đối với hoạt động tín dụng ở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Bắc Hải	<b>Hoàng Thị Trinh</b>	Nguyễn Văn Thăng Nguyễn Hoàng Vương	QKT58ĐH QKT58ĐH TCH58ĐH	<b>ThS. Tô Văn Tuấn</b>	Đề tài nghiên cứu về một số lý luận chung về ngân hàng thương mại, tín dụng và rủi ro tín dụng. Phân tích, đánh giá thực trạng rủi ro đối với hoạt động tín dụng hiện nay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Hải. Từ đó, đề xuất một số biện pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng cho Ngân hàng.
65.	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của Quốc gia xuất xứ đến nhận thức thương hiệu của người Việt đối với mặt hàng điện tử gia dụng tại Hải Phòng	<b>Nguyễn Duy Mười</b>	Nguyễn Minh Hằng	QKD57ĐH QKD57ĐH	<b>ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc</b>	Nghiên cứu các khái niệm về quốc gia xuất xứ, các ảnh hưởng của quốc gia xuất xứ đến nhận thức về thương hiệu đồ điện tử gia dụng. Qua đó sẽ là nền tảng để phát triển sâu hơn nữa các nghiên cứu về vấn đề nhận thức thương hiệu.
66.	Tác động của WTO tới thu hút FDI, xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam sau 10 năm gia nhập	<b>Nguyễn Thị Thu Hạ</b>	Nguyễn Thị Phương Thảo Bùi Thị Yên	QKD57ĐH QKD57ĐH QKD57ĐH	<b>TS. Hoàng Chí Cường</b>	Nghiên cứu này sẽ đánh giá tác động của WTO đến xuất, nhập khẩu và thu hút FDI của Việt Nam sau 10 năm gia nhập kể từ năm 2007. Qua đó đề xuất xây dựng chính sách nhằm thúc đẩy thương mại đa biên cho Việt Nam và thu hút FDI thời gian tới.

67.	Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên Kinh tế trường Đại học Hàng hải Việt Nam	<b>Nguyễn Thùy Dung</b>	Đặng Thị Thu Trang Nguyễn Thanh Xuân	QKD57ĐH QKD57ĐH QKD57ĐH	<b>TS. Mai Khắc Thành</b>	Nghiên cứu cơ sở lý luận về khởi sự kinh doanh và tiềm năng khởi sự kinh doanh; Thực trạng về tinh thần khởi sự của sinh viên Kinh tế trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Đề xuất biện pháp nhằm nâng cao tinh thần khởi sự của sinh viên Kinh tế trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
68.	Mối quan hệ giữa rủi ro và hiệu quả hoạt động của ngành ngân hàng Việt Nam	<b>Vũ Thị Liên</b>	Nguyễn Thị Ngân	QKT58ĐH QKT58ĐH	<b>TS. Phùng Mạnh Trung</b>	Nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích mối quan hệ giữa rủi ro và hiệu quả chi phí của ngành ngân hàng Việt Nam trong những năm gần đây. Qua đó phân loại rủi ro và xác định mối quan hệ của các loại rủi ro đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng Việt Nam.
69.	Đo lường hiệu quả hoạt động của ngành ngân hàng Việt Nam - Ứng dụng mô hình Mạng Lưới Phân Tích Đường Bao Dữ Liệu	<b>Hoàng Thị Hương</b>	Phạm Thị Chinh	QKT57ĐH QKT57ĐH	<b>TS. Phùng Mạnh Trung</b>	Nghiên cứu một số phương pháp tính toán hiệu quả hoạt động để từ đó đề xuất việc sử dụng phương pháp hợp lý nhất nhằm tính toán hiệu quả hoạt động của ngành ngân hàng Việt Nam. Trên cơ sở so sánh với các nghiên cứu trước đây, đề tài sẽ chứng minh tính đúng đắn và phù hợp của mô hình đề xuất.

<b>IX. KHOA NGOẠI NGỮ</b>						
70.	<p>Đặc điểm kiểu câu trong bài hát do John Lennon (The Beatles) sáng tác</p> <p>Featutes of sentence types in songs by John Lennon ( The Beatles)</p>	<b>Phạm Quỳnh Oanh</b>		NNA57ĐH2	<b>TS. Phạm Văn Đôn</b>	Kết quả đề tài là tài liệu tham khảo tốt cho các nghiên cứu về câu, làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu sau này.
71.	<p>Khảo sát phương pháp phụ tố trong giáo trình Thực hành tiếng</p> <p>A survey on the usage of affixes found in general English text book in use</p>	<b>Nguyễn Linh Chi</b>		NNA57ĐH	<b>TS. Phạm Văn Đôn</b>	Nghiên cứu về các thành phần phụ tố câu tạo từ, làm tài liệu tham khảo.
<b>X. VỆ MÔI TRƯỜNG</b>						
72.	<p>Đánh giá ô nhiễm một số kim loại nặng của nước sông Lạch Tray, khu vực Huyện An Dương - Thành phố Hải Phòng và đưa ra biện pháp giảm thiểu ô nhiễm</p>	<b>Nguyễn Thị Tuyết Hạnh</b>	<p>Nguyễn Thị Thu Thảo</p> <p>Nguyễn Xuân Huy</p> <p>Vũ Văn Tây</p>	<p>KMT57ĐH</p> <p>KMT57ĐH</p> <p>KMT57ĐH</p> <p>KMT57ĐH</p>	<b>TS. Trương Văn Tuấn</b>	Đánh giá ô nhiễm một số kim loại nặng của nước sông Lạch Tray, khu vực Huyện An Dương - Thành phố Hải Phòng và đưa ra biện pháp giảm thiểu ô nhiễm.

73.	Xử lý phẩm nhuộm Rhodamin B trong nước bằng vật liệu composite chứa đồng trên nền chitosan tận dụng từ vỏ tôm phế liệu	<b>Nguyễn Văn Đông</b>	Nguyễn Thị Ngọc Nguyễn Kim Thanh Nguyễn Thu Thủy Lương Quế Anh	KHD57ĐH KHD57ĐH KHD57ĐH KHD57ĐH KHD57ĐH	<b>TS. Nguyễn Thị Như</b>	Xử lý phẩm nhuộm Rhodamin B trong nước bằng vật liệu composite chứa đồng trên nền chitosan tận dụng từ vỏ tôm phế liệu.
74.	Nghiên cứu sản phẩm sơn chống hà sử dụng hoạt chất chống hà từ dịch chiết cây hương nhu	<b>Ngô Thị Mỹ Trang</b>	Trần Thị Thu Nguyễn Thị Mai Hoàng	KHD58ĐH KHD58ĐH KHD58ĐH	<b>TS. Võ Hoàng Tùng</b>	Nghiên cứu sản phẩm sơn chống hà sử dụng hoạt chất chống hà từ dịch chiết cây hương nhu.
75.	Nghiên cứu sản phẩm kem dưỡng da sử dụng hoạt chất từ dịch chiết cây hương nhu	<b>Giang Hải Long</b>	Trương Thị Trang Nguyễn Thị Hải Yên	KHD58ĐH KHD58ĐH KHD58ĐH	<b>TS. Võ Hoàng Tùng</b>	Nghiên cứu sản phẩm kem dưỡng da sử dụng hoạt chất từ dịch chiết cây hương nhu.
<b>XI.</b>	<b>VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ</b>					
76.	Nghiên cứu về chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu của Việt Nam	<b>Nguyễn Thị Hải Yên</b>	Nguyễn Thu An Đông Thị An	IBL0801	<b>ThS. Nguyễn Thị Nha Trang</b>	Nghiên cứu, phân tích thực trạng chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu của Việt Nam hiện nay. Sau đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng này để đảm bảo nông sản sau khi thu hoạch sẽ có đầu ra đảm bảo, bền vững, giá trị mặt hàng trước khi xuất khẩu được nâng cao và hạn chế những rủi ro không đáng có.

77.	Research solutions to improve working motivation for workers at Tien Phong Plastic company	<b>Nguyễn Thu Trang</b>	Trần Thị Thu Thủy Trịnh Ngọc Anh	BMM08	<b>ThS. Nguyễn Đức Tâm</b>	The research focus on studying the factors influencing to working motivation. Identify the main motivations for workers and suggest manager.
78.	Evaluating the learner's satisfaction on Educational Services at ISE	<b>Phan Ngọc Khôi</b>	Phạm Thị Mai Hương Trương Nguyễn Ngọc Hoa Lê Công Trung	BMM08	<b>TS. Hoàng Chí Cường</b>	The research will focus on collect primary data from 200 students learning at ISE to Evaluate the learner's satisfaction on Educational Service offered by ISE, Vimar. The result will help ISE improve the quality of advance program.
79.	Developing digital marketing strategy in university admission: a case study of Vietnam Maritime University	<b>Đặng Anh Hà My</b>	Nguyễn Thị Thùy Linh Trần Đức Tâm Kiều Thu Hương Trần Thành Đạt	BMM08	<b>TS. Nguyễn Cảnh Lam</b>	The trend of applying Digital Marketing in Universities in Vietnam is getting more and more important in order to improve competitiveness and attract students to study. The research will analyse: Marketing methods in Education; the comparison between traditional marketing and digital marketing. We then find out the most effective digital marketing method through an emperical study on VIMARU students.

80.	Applying cutting-edge technologies in warehouse management in order to support the development of E-commerce in the Northern	<b>Nguyễn Thị Quỳnh Chi</b>	Phạm Triệu Lâm Võ Trung Kiên	IBL0801	<b>ThS. Vũ Lê Huy</b>	Identify the current status of warehouse in the Northern of Vietnam. The development of e-commerce market in the area. Introduce some new technologies into loading procedure, storage process which support for developing trend of e-commerce in the area.
81.	Define the criteria influencing the bulk shipping freight of Vietnamese market	<b>Nguyễn Công Thành</b>	Lê Hà Ly Vũ Thị Việt Trinh Đặng Huy Hoàng	IBL0801 IBL0801 IBL0801 IBL0802	<b>TS. Nguyễn Cảnh Lam</b>	This research will aim at defining the criteria influencing the bulk shipping freight of Vietnam and evaluating the bulk shipping freight market of Vietnam.
82.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn các website thương mại điện tử tại Việt Nam	<b>Lê Thị Ngọc Nga</b>	Phạm Thị Nga Đào Thị Hương Linh Nguyễn Thị Hương Trà Trịnh Thị Hồng Minh	IBL0801	<b>TS. Phạm Thị Yến</b>	Đánh giá thị trường thương mại điện tử ở Việt Nam (như tiki, lazada, shopee, sendo, .). Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ..quyết định lựa chọn các website của khách hàng tại Việt Nam. Các yếu tố ảnh hưởng quyết định lựa chọn các website của khách hàng tại Việt Nam.

83.	Study on Foreign direct investment in maritime affairs in Vietnam	<b>Nguyễn Thị Hồng Nhung</b>	Quách Chí Hiếu Phạm Ngọc Bích Phùng Tuấn Long	GMA08	<b>ThS. Bùi Thị Thùy Linh</b>	This research examine the current status of foreign direct investment in maritime affair in Vietnam. We then point out the investment trend of foreign investors in the recent three years and identify the factors influencing the decision of foreign investors to invest into Vietnam's maritime affairs. Finally, we propose some suggestions to attract foreign direct investment to Vietnam's maritime affairs.
84.	Evaluating the operational efficiency of Vietnam Container Shipping Corporation - Vip Green Port	<b>Nguyễn Thị Thanh Nga</b>	Trần Thị Anh Vũ Thu Thảo Lê Thị Diệu Thùy	GMA08	<b>Phạm Minh Thúy</b>	This research conduct the survey to define the factors effect on the operational efficiency of Vietnam Container Shipping Corporation - Vip Green Port. We collect the data and evaluate the results and give recommendations.
85.	Study on leadership development for student of International school of education at Vietnam Maritime University	<b>Phùng Thị Thùy Dương</b>	Phạm Hoàng Trúc Linh Mai Thu Giang Đặng Thị Phương Nguyễn Quốc Tiến	GMA08	<b>Vũ Phương Thảo</b>	Study on current status of leadership development for student at ISE. Compare leadership training at ISE with other advanced programs in Vietnam. Propose some suggestions to enhance the leadership development for students at ISE.



<b>XII. VIỆN ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO</b>						
86.	Determining the deviations of the navigation factors when using Mercator chart projection with the earth model as a sphere - ellipse	<b>Nguyễn Minh Hiếu</b>	Đoàn Anh Văn Cao Văn Huy	ĐKT57CH	<b>TS. Nguyễn Thái Dương</b>	Determining the deviations when using Mercator chart projection with the earth model as a sphere - ellipse. Assessing the effect of deviations affecting navigation. This research product will become a useful reference when navigating vessels based on paper or electronic charts with Mercator chart projection.
87.	Research on the safety of ship berthing operations	<b>Trần Tùng Lâm</b>	Phạm Thế Trung Kiên Trần Xuân Thắng	ĐKT58CH	<b>TS. Trịnh Xuân Tùng</b>	This scientific research will help to know about the principles and structure of safety of ship berthing operations.
88.	Research the role of seafarers in ship security	<b>Nguyễn Dương Hưng</b>	Nguyễn Thái Hoàng Bùi Quang Huy	ĐKT58CH	<b>TS. Phan Văn Hưng</b>	Analyze the role of seafarers in ship security and propose some solution for seafarers to enhance ship security.
89.	Nghiên cứu thiết kế phần mềm hướng dẫn an toàn điện cho học sinh phổ thông	<b>Nguyễn Quang Huy</b>	Vũ Hoàng Minh Nguyễn Ngọc Sơn Trần Quang Triển	ĐTĐ59CL	<b>TS. Đặng Hồng Hải</b>	Nghiên cứu tổng quan về an toàn điện dân dụng - công nghiệp và ngôn ngữ lập trình C. Từ đó, thiết kế phần mềm về hướng dẫn an toàn điện. Sản phẩm là một phần mềm hướng dẫn an toàn điện dùng cho học sinh phổ thông.

90.	Nghiên cứu những điểm mạnh của lập trình Ruby/Crystal và ứng dụng xây dựng framework Wanda hỗ trợ lập trình ứng dụng web”	<b>Trần Bá Đạt</b>	Đỗ Thị Thanh Thúy	CNT57CL	<b>ThS. Nguyễn Thành Tuấn Anh</b>	Nghiên cứu những điểm mạnh/yếu của ngôn ngữ lập trình Ruby/ Crystal và những khung phát triển (framework) web phổ biến hiện tại (Laravel, Rails, Iron, Phoenix ...). Ứng dụng thực tiễn của chúng trong phát triển ứng dụng web.
91.	Những quy định về xuất xứ hàng hóa trong hiệp định EVFTA và khả năng đáp ứng của các doanh nghiệp Việt Nam	<b>Đặng Thị Nhung</b>	Vũ Minh Ánh Đỗ Hoàng Thanh Thảo	KTN57CL	<b>ThS. Đoàn Trọng Hiếu</b>	Nghiên cứu khả năng đáp ứng về quy định xuất xứ hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam, qua đó đưa ra các giải pháp giúp doanh nghiệp Việt Nam cải thiện và nâng cao khả năng đáp ứng đối với quy định này.
92.	Nghiên cứu hợp đồng điện tử trong quan hệ B2C tại Việt Nam	<b>Phan Thị Hương Giang</b>	Nguyễn Như Mai	KTN57CL	<b>ThS. Trần Hải Việt</b>	Nghiên cứu thực trạng hợp đồng B2C tại Việt Nam để nghiên cứu các bất lợi khách hàng phải chịu, từ đó đề xuất về luật, về cách áp dụng, cách xây dựng.
93.	Nghiên cứu các hình thức lừa đảo trong thương mại điện tử	<b>Hoàng Thị Thủy</b>	Đặng Phương Anh	KTN57CL	<b>ThS. Trần Hải Việt</b>	Nghiên cứu cơ sở lý luận và nguồn luật điều chỉnh thương mại điện tử và hợp đồng điện tử; Phân tích thực trạng thương mại điện tử ngày nay và những vụ lừa đảo trong thương mại điện tử. Qua đó, nhận định các ưu nhược điểm của việc chống lừa đảo và đề xuất các giải pháp.

94.	Nghiên cứu các phương thức thanh toán điện tử quốc tế và giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam	<b>Phạm Thị Hương Dung</b>	Đào Thúy Hạnh Vũ Thị Hồng Nhung	KTN58CL	<b>ThS. Trần Hải Việt</b>	Nghiên cứu các phương thức thanh toán điện tử quốc tế được sử dụng hiện nay; Thực trạng các số liệu về thanh toán quốc tế cho xuất nhập khẩu, các vụ việc về tiêu cực đã xảy ra; Ưu nhược điểm của thanh toán quốc tế truyền thống; Thực trạng thanh toán điện tử trong nước và quốc tế. Qua đó đề xuất giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam: Số liệu hàng năm thống kê và đề xuất giải pháp để khắc phục nhược điểm.
-----	--	----------------------------	------------------------------------	---------	---------------------------	--

Danh sách có 94 đề tài./

Người lập

